ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89 /2026/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 36/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức sử dụng diện tích nhà xưởng, thiết bị và biên chế cho trạm quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN, Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày *18* tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Công Thương, Xây dựng; Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- VP. Chính phủ (HN-TPHCM);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB & TCTHPL);
- TT: TU, HĐND, UBND TP;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Sở, ban, ngành;
- UBND xã, phường;
- Công báo TPCT, Cổng TTĐT TPCT;
- TT. Lưu trữ lịch sử TP;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT. VK

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Trần Chí Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu đối với hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục; trách nhiệm quản lý và sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các sở, ban, ngành:

Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Công Thương; Xây dựng; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

c) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là chủ nguồn thải).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trạm quan trắc cơ sở:

Là các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục được kết nối và truyền dữ liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trạm quan trắc cơ sở gồm có trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh, trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải.

2. Dữ liệu quan trắc, giám sát:

Là tập hợp các số liệu, hình ảnh thu thập được từ các thiết bị quan trắc, giám sát của các trạm quan trắc cơ sở.

3. Trung tâm điều hành tiếp nhận dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường

(gọi tắt là Trung tâm điều hành):

Là nơi tiếp nhận, lưu giữ, quản lý, giám sát dữ liệu các trạm quan trắc cơ sở truyền về. Trung tâm điều hành được đặt tại Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Niêm phong:

Là hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường được thực hiện bằng cách sử dụng các phương tiện, biện pháp phù hợp (niêm phong vật lý, quản lý mật khẩu truy cập) để giữ nguyên hiện trạng, tình trạng của thiết bị trong các trạm quan trắc; tránh nguy cơ bị can thiệp từ bên ngoài bằng các tác nhân vật lý (như thay đổi cấu hình) hoặc phi vật lý (như dùng phần mềm can thiệp chỉnh sửa dữ liệu).

5. Bảo trì, bảo dưỡng:

Là tập hợp các hoạt động nhằm duy trì hoặc phục hồi một thiết bị hoặc hệ thống ở tình trạng nhất định hoặc đảm bảo một dịch vụ nhất định luôn hoạt động trong trạng thái tiêu chuẩn và được quy định chi tiết trong quy trình vận hành thao tác chuẩn (SOP) được lưu giữ trong hồ sơ quản lý của hệ thống.

6. Xử lý dữ liệu:

Là các hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu môi trường để báo cáo, cảnh báo, công bố thông tin.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, GIÁM SÁT DỮ LIỆU HỆ THỐNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

Điều 3. Nguyên tắc về quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục

1. Đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục, ổn định của các trạm quan trắc cơ sở, trung tâm điều hành theo đúng quy định; cung cấp số liệu tin cậy, chính xác, khách quan nhằm phục vụ kịp thời cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thông suốt giữa các bên liên quan đối với việc quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm kiểm soát chất lượng, độ tin cậy của hệ thống các trạm quan trắc cơ sở.

3. Đảm bảo các nguyên tắc về an toàn thông tin, dữ liệu trong hệ thống tại các trạm quan trắc cơ sở và trung tâm điều hành bao gồm:

a) Bảo mật dữ liệu:

Các thông tin, dữ liệu, tài khoản truy cập máy chủ FTP, địa chỉ IP tĩnh phải được đảm bảo tuyệt đối bảo mật, không bị can thiệp bởi các thiết bị và phần

mềm ngoài hệ thống, người không có thẩm quyền tuyệt đối không được phép truy cập.

b) Toàn vẹn dữ liệu:

Thông tin, dữ liệu từ các trạm quan trắc cơ sở được truyền nguyên vẹn về trung tâm điều hành (dữ liệu gốc). Không sử dụng các thiết bị, hệ thống trung gian hoặc các biện pháp khác để làm thay đổi, can thiệp, phá hoại dữ liệu. Tuyệt đối không di chuyển, xóa hoặc thay đổi thư mục chứa dữ liệu gốc.

Điều 4. Yêu cầu đặc tính kỹ thuật của các trạm quan trắc cơ sở

1. Đặc tính kỹ thuật:

Tuân thủ theo quy định yêu cầu về đặc tính kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành. Chủ nguồn thải phải kịp thời cập nhật, thay thế, bổ sung để phù hợp với quy định tại thời điểm áp dụng.

2. Sử dụng và quản lý thiết bị:

a) Hồ sơ quản lý thiết bị:

Trạm quan trắc cơ sở phải có hồ sơ quản lý thiết bị theo quy định và được lưu giữ tại tổ chức, đơn vị quản lý trạm.

b) Bảo trì sửa chữa, thay thế linh phụ kiện:

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 28 và điểm d khoản 4 Điều 32 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT đối với trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh.

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4, khoản 5 Điều 35 và điểm đ khoản 4, khoản 5 Điều 38 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT đối với trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải.

Toàn bộ quá trình bảo trì sửa chữa, thay thế linh phụ kiện được ghi chép vào Sổ nhật ký và lưu giữ theo quy định tại trạm quan trắc cơ sở để sẵn sàng cung cấp, xuất trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

c) Kiểm định thiết bị:

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 và điểm a khoản 4 Điều 32 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT đối với trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh.

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 35 và điểm a khoản 4 Điều 38 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT đối với trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải.

Việc kiểm định thiết bị phải được thực hiện bởi đơn vị có chức năng và năng lực thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Hồ sơ kết quả kiểm định thiết bị phải được lưu giữ theo quy định tại trạm quan trắc cơ sở để sẵn sàng cung cấp, xuất trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

d) Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn:

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 28 và điểm b khoản 4 Điều 32 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT đối với trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh.

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 35 và điểm b, điểm d khoản 4 Điều 38 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT đối với trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải.

3. Quản lý dữ liệu:

Dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục sau khi tiếp nhận tại Sở Nông nghiệp và Môi trường được lưu trữ, quản lý, đánh giá, phân loại (dữ liệu hợp lệ, không hợp lệ) để sử dụng cho mục đích công bố thông tin, cảnh báo chủ nguồn thải hoặc áp dụng các hình thức xác minh, quan trắc nguồn thải.

a) Các trường hợp dữ liệu áp dụng hình thức cảnh báo đến chủ nguồn thải:

Hình ảnh từ camera giám sát có dấu hiệu bất thường (màu nước thải thay đổi đột ngột, bọt/váng nước thải hay khói thải tăng đột biến); camera không đáp ứng yêu cầu về tính liên tục (thường xuyên mất kết nối), hình ảnh giám sát (quay đi hướng khác, có tác động, can thiệp từ con người, bị vật thể lạ che mờ).

Dữ liệu từ trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải không truyền về trung tâm điều hành trong 12 giờ liên tục.

Giá trị tức thời hoặc trung bình giờ của trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải có thông số vượt giới hạn cho phép theo quy định (đối với thông số lưu lượng áp dụng theo giới hạn tại giấy phép môi trường của đơn vị).

Dữ liệu truyền về từ các trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải có dấu hiệu bất thường (mất dữ liệu, giá trị âm hoặc ngoài dải đo, giá trị không thay đổi trong thời gian dài), không đạt tối thiểu 80% tổng số kết quả quan trắc đối với từng thông số của trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải.

b) Các trường hợp áp dụng hình thức xác minh dữ liệu quan trắc:

Giá trị tức thời của thông số quan trắc tại trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải vượt giới hạn cho phép liên tục trong khoảng thời gian từ 01 giờ trở lên phải được thông tin nhanh chóng, chính xác tới các cơ quan quản lý nhà nước; trường hợp liên tục vượt giới hạn cho phép từ 02 giờ trở lên thực hiện kích hoạt thiết bị lấy mẫu tự động hoặc quan trắc nguồn thải đối với các trường hợp thiết bị quan trắc đang hoạt động bình thường (trừ trường hợp dừng/khởi động lại lò của các Nhà máy xi măng, nhiệt điện).

Trong trường hợp số liệu quan trắc, giám sát trung bình ngày vượt giới hạn cho phép, Trung tâm điều hành tiến hành xác minh nguyên nhân, đảm bảo tính khách quan, phản ánh đúng nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải, khí thải trước khi thông tin tới các cơ quan quản lý nhà nước để có biện pháp xử lý.

4. Công khai, công bố thông tin:

a) Thực hiện công bố, chia sẻ và thông tin các dữ liệu quan trắc theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15; Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT; Công khai thông tin theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện công bố dữ liệu quan trắc môi trường (dưới dạng chỉ số chất lượng môi trường) trên cổng thông tin điện tử.

c) Khi phát hiện số liệu quan trắc tại trạm không khí xung quanh có chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI) ở mức xấu, Trung tâm điều hành phải kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để xác định nguyên nhân và tham mưu văn bản thông báo tới các sở, ban, ngành liên quan để thông tin sâu rộng tới cộng đồng được biết và có biện pháp xử lý kịp thời.

d) Các trường hợp vi phạm về thực hiện công bố thông tin quan trắc môi trường tự động, liên tục sẽ xem xét, xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố; quản lý, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan đến công tác quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục để kiểm soát tốt chất lượng môi trường.

1. Quản lý trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải:

a) Rà soát, đôn đốc việc lắp đặt, truyền dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nguồn thải thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố; dừng tiếp nhận, truyền, công khai dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục khi trạm quan trắc cơ sở không đáp ứng được yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, không bảo đảm chất lượng, độ tin cậy của dữ liệu.

b) Tổ chức theo dõi, giám sát các trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải:

Tổ chức niêm phong hệ thống quan trắc, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố; kiểm tra, giám sát hoạt động bảo trì, sửa chữa thay thế các thiết bị của các trạm quan trắc; giám sát thường xuyên liên tục quá trình vận hành các trạm quan trắc thông qua số liệu, hình ảnh camera, hệ thống phần mềm; giám sát định kỳ các hoạt động bảo đảm và kiểm soát chất lượng của hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định hiện hành (kiểm định, hiệu chuẩn, đánh giá độ chính xác tương đối, kiểm tra thiết bị với chất chuẩn, bảo trì, thay thế linh phụ kiện, sửa chữa, thay thế các thiết bị đo và phân tích); cập nhật thông tin các trạm quan trắc trên phần mềm quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục về tình trạng hoạt động

các trạm quan trắc (bình thường, mất tín hiệu, dừng hoạt động). Khi phát hiện các số liệu quan trắc môi trường tự động vượt giới hạn cho phép, số liệu bất thường, sự cố tại các trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải thông qua phần mềm quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy mẫu (trực tiếp hoặc bằng máy thu mẫu tự động đối với trạm quan trắc nước thải) để phân tích. Kết quả phân tích là căn cứ để xem xét, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật. Kinh phí thực hiện lấy, phân tích mẫu do chủ nguồn thải chi trả.

c) Có văn bản thông báo đến chủ nguồn thải biết về kết quả quan trắc vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và yêu cầu khắc phục theo quy định. Sau khi có văn bản thông báo quy định tại điểm này, nếu kết quả quan trắc vẫn tiếp tục vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức làm việc với chủ nguồn thải và lập hồ sơ xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Kiểm tra, giám sát các hoạt động kiểm soát chất lượng của các trạm quan trắc theo kế hoạch và đột xuất nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan của dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục. Lập nhu cầu kinh phí hàng năm cho hoạt động của Trung tâm điều hành, hoạt động kiểm soát chất lượng, giám sát hoạt động của các trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải. Kinh phí được bố trí từ nguồn chi sự nghiệp môi trường.

đ) Xem xét quyết định việc kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường với bên ngoài khi có yêu cầu; cấp tài khoản để phối hợp giám sát dữ liệu, chia sẻ thông tin trong phạm vi trách nhiệm quản lý giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

e) Tổ chức hướng dẫn các chủ nguồn thải thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động thực hiện đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật để đảm bảo quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định.

2. Quản lý, vận hành trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục:

a) Tổ chức quản lý, bố trí nhân lực thực hiện quản lý, vận hành các trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh do ngân sách nhà nước đầu tư đảm bảo hoạt động ổn định, liên tục.

b) Lập dự toán chi sự nghiệp môi trường hàng năm đối với hoạt động quản lý, vận hành, sửa chữa, thay thế thiết bị các trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục, vận hành trung tâm điều hành trình Sở Tài chính xem xét tổng hợp dự toán, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt, bố trí kinh phí thực hiện. Định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả quan trắc của các trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Quản lý, sử dụng tài sản công đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

1. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đo lường; giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo đối với hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục nhằm đảm bảo độ tin cậy của kết quả đo; phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp dữ liệu từ các trạm quan trắc cơ sở lên hệ thống đô thị thông minh của thành phố.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách tham mưu về kinh phí thực hiện Quy chế này theo đúng quy định.

3. Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đôn đốc việc lắp đặt, truyền dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nguồn thải thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố. Đồng thời, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, giám sát quá trình vận hành, xử lý các sự cố đối với các trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục của các chủ nguồn thải.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ nguồn thải về công tác quản lý và vận hành trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục

1. Chủ nguồn thải thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, kết nối, truyền dữ liệu và xử lý sự cố.

2. Chủ nguồn thải phải đảm bảo về kinh phí, công tác bảo vệ tài sản, nhân sự quản lý, vận hành và các điều kiện cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị và linh phụ kiện dự phòng để thay thế kịp thời khi trạm quan trắc gặp lỗi, sự cố hoặc vật tư, thiết bị, linh kiện hết khấu hao, niên hạn sử dụng để các trạm quan trắc hoạt động ổn định, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện việc kiểm soát chất lượng của hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục:

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 35 và khoản 6 Điều 38 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

4. Đối với các hoạt động kiểm soát chất lượng, bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị đo của trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục, chủ nguồn thải thực hiện các yêu cầu sau:

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện và thông báo bằng văn bản tới Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi tiến hành các hoạt động bảo đảm và kiểm soát chất lượng, kiểm tra thiết bị bằng chất chuẩn, sửa chữa, thay thế thiết bị đo của

hệ thống quan trắc để Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp, theo dõi, giám sát.

b) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị đo, hồ sơ hiệu chuẩn, kiểm định, hồ sơ thông tin hệ thống thiết bị, SOP đã được phê duyệt, hồ sơ về chất chuẩn, liên kết chuẩn của chất chuẩn được sử dụng để kiểm tra và hiệu chuẩn định kỳ, báo cáo đánh giá độ chính xác tương đối của hệ thống phải đảm bảo đầy đủ, được lưu tại trạm và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.

c) Không tự ý tháo dỡ niêm phong khi chưa có sự chấp thuận của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp cần tháo dỡ tem niêm phong để thay thế, sửa chữa hoặc tem niêm phong bị mờ, rách theo thời gian, chủ nguồn thải cần thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản về kế hoạch sửa chữa, thay thế thiết bị, thời điểm tháo dỡ tem, tình trạng tem niêm phong trước khi tháo dỡ tem (bằng hình ảnh) trước 02 ngày. Sau khi hoàn thành việc sửa chữa, thay thế, chủ nguồn thải thông báo tới Sở bằng văn bản để tiến hành niêm phong lại.

d) Chủ nguồn thải có trách nhiệm tự kiểm tra, đánh giá, báo cáo kịp thời tới cơ quan quản lý nhà nước các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực đối với hồ sơ, tài liệu liên quan đến trạm quan trắc, dữ liệu quan trắc truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Đảm bảo tính toàn vẹn và chính xác của dữ liệu trong quá trình truyền, nhận, lưu giữ tại hệ thống truyền nhận dữ liệu. Quản lý, bảo mật tài khoản FTP do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp để truyền dữ liệu.

6. Tuân thủ các quy định về quản lý thông tin, an toàn thiết bị và các quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhân lực quản lý, vận hành và cơ sở vật chất của hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục

1. Trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục:

a) Về nhân lực:

Nhân lực quản lý, vận hành các trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục thực hiện theo quy định tại Thông tư 18/2010/TT-BTNMT quy định về định mức sử dụng diện tích nhà xưởng, thiết bị và biên chế cho trạm quan trắc môi trường, Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường.

b) Về cơ sở vật chất:

Trung tâm điều hành, trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, hàng năm được cấp kinh phí để duy trì hoạt động. Sở

Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng các trang thiết bị, cơ sở vật chất được đầu tư, được giao hiệu quả, đúng tiêu chuẩn định mức.

Duy trì nguồn năng lượng, đường truyền dịch vụ internet cáp quang tốc độ cao đảm bảo việc truyền số liệu, hình ảnh camera, tín hiệu điều khiển hoạt động liên tục, ổn định.

Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về thiết bị của các trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục; định kỳ thay thế vật tư tiêu hao, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, hạ tầng kỹ thuật theo quy trình vận hành thao tác chuẩn (SOP) hoặc theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật (khác) cho các trạm quan trắc nước mặt, trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục hoạt động ổn định liên tục, chính xác; đảm bảo an ninh, cảnh báo cháy nổ, bảo mật thông tin, an toàn mạng, hệ thống sao lưu, phục hồi dữ liệu.

2. Hệ thống quan trắc nước thải và khí thải tự động, liên tục:

Các chủ nguồn thải có lắp đặt trạm quan trắc nước thải, trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục tự đảm bảo nhân lực và cơ sở vật chất cho các trạm quan trắc theo quy định, trong đó:

a) Về nhân lực:

Bố trí nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp, được đào tạo về quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục và thông báo bằng văn bản (họ và tên, số điện thoại của người vận hành) gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp, trao đổi thông tin trong trường hợp cần thiết.

b) Cơ sở vật chất:

Duy trì nguồn năng lượng đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc liên tục 24/24 giờ như điện lưới, hệ thống lưu trữ điện hoặc máy phát điện dự phòng (trong trường hợp mất điện lưới).

Duy trì đường truyền dịch vụ internet (IP tĩnh) cáp quang tốc độ cao phục vụ truyền số liệu từ trạm quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường; khuyến khích có thêm đường truyền internet dự phòng.

Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật (khác) để trạm hoạt động và truyền dữ liệu ổn định liên tục, chính xác về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thành phố, cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành thành phố, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện tốt Quy chế này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để kịp thời xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế./.